

SỐ BÁO DANH:

Thời gian: 50 phút (không kể thời gian giao đề)

Đề có 04 trang, 40 câu.

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có lượng mưa lớn tập trung rir tháng K đến tháng xn?

- A. Nha Trang. B. Đà Lạt. C. Cà Mau. D. Lạng Sơn.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Cam-pu-chia?

- A. Quảng Bình. B. Quảng Nam. C. Điện Biên. D. Gia Lai.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

- A. Sông Cá. B. Sông Lục Nam. C. Sông Thu Bồn. D. Sông Đồng Nai.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết cao nguyên nào sau đây có độ cao lớn nhất?

- A. Lâm Viên. B. Kon Tum. C. Mơ Nông. D. Đắk Lắk.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết cửa sông nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Cửa Tư Hiền. B. Cửa Việt. C. Cửa Sốt. D. Cửa Ba Lạt.

Câu 6. Vùng biển được quy định nhằm đảm bảo cho việc thực hiện chủ quyền của nước ven biển là

- A. Lãnh hải. B. thềm lục địa.
C. tiếp giáp lãnh hải. D. đặc quyền kinh tế.

Câu 7. Biện pháp bảo vệ vườn quốc gia ở nước ta là

- A. chống phá rừng. B. khai thác gỗ quý.
C. săn bắt thú rừng. D. tăng xuất khẩu gỗ.

Câu 8. Lượng nước thiếu hụt vào mùa khô ít nghiêm trọng nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Đông Bắc Bộ. B. Nam Bộ. C. Nam Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 9. Biện pháp mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở nước ta là

- A. canh tác hợp lí. B. cải tạo đất hoang.
C. đa dạng cây hồng. D. bón phân thích hợp.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh chế độ nước sông Hồng với sông Cửu Long?

- A. Số tháng lũ đều bằng nhau. B. số tháng lũ ít hơn một tháng.
C. Tổng lưu lượng nước lớn hơn. D. số tháng lũ nhiều hơn một tháng.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Thực vật và động vật. cho biết phân khu địa lí động vật Nam Tning Bộ có vườn quốc gia nào sau đây?

- A. Bạch Mã. B. YokĐòn. C. Lò Gò - Xa Mát. D. Vũ Quang.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Địa chất khoáng sản, cho biết địa điểm nào sau đây có quặng đồng?

- A. Văn Bàn. B. cổ Định. C. Lệ Thủy. D. Yên Châu.

Câu 13. Ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long là do

- A. lượng mưa lớn, có đê sông và đê biển bao bọc.
B. mưa lớn. chịu tác động mạnh của triều cường.
C. mạng lưới sông ngòi dày đặc. lượng mưa lớn.
D. địa hình thấp, chịu tác động mạnh của triều cường.

Câu 14. Ở đồng bằng ven biển miền Trung, bão tập trung nhiều nhất vào tháng IX do ảnh hưởng chủ yếu của

- A. gió mùa Tây Nam. B. dải hội tụ nhiệt đới.
C. Tín phong bán cầu Bắc. D. gió mùa Đông Nam.

Câu 15. Loại gió nào sau đây gây mưa cho vùng ven biển Trung Bộ đồng thời tạo nên mùa khô ở Nam

Bộ và Tây Nguyên?

A. Gió mùa Đông Bắc.

B. Thi phong bán cầu Nam.

C. Tin phong bán cầu Bắc.

D. Gió Tây Nam.

Câu 16. Vị trí địa lí và hình thể nước ta đã tạo nên

A. khi hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh. B. địa hình có tính phân bậc rõ rệt.

C. tài nguyên khoáng sản phong phú. D. sự phân hóa đa dạng của tự nhiên.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các nhóm và các loại đất chính, cho biết đất ieralit trên đá vôi tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

A. Tây Bắc.

B. Trường Sơn Bắc.

C. Đông Bắc.

D. Trường Sơn Nam.

Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa Li Việt Nam trang Khi hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có biên độ nhiệt năm lớn nhất?

A. Nha Trang.

B. Hà Nội.

C. Cà Mau.

D. Đồng Hới.

Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hình thể, cho biết các vịnh biển nào sau đây được sắp xếp theo thứ tự từ Nam ra Bắc?

A. Diên Châu, Quy Nhơn, Vân Phong, Cam Ranh.

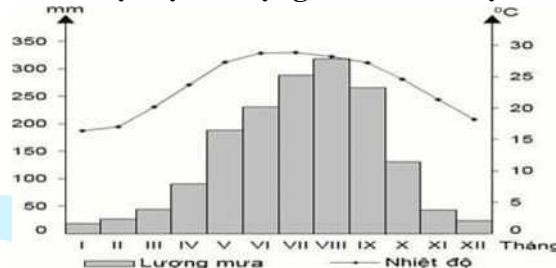
B. Cam Ranh, Vân Phong, Quy Nhơn, Diên Châu.

C. Quy Nhơn, Cam Ranh, Diên Châu, Vân Phong.

D. Vân Phong, Diên châu, Quy Nhơn, Cam Ranh.

Câu 20. Cho biểu đồ:

Nhiệt độ và lượng mưa ở Hà Nội



(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12, NXB Giáo dục Việt Nam) Theo biểu

đồ, nhận xét nào sau đây **không** đúng với đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội? A. Nhiệt độ trung bình tháng n thấp hơn tháng X. B. Biên độ nhiệt năm lớn hơn 5°C.

C. Tổng lượng mưa lớn, mưa vào thu - đông. D. Lượng mưa lớn nhất vào tháng VIII.

Câu 21. Điểm khác biệt về địa hình giữa vùng núi Trường Sơn Nam so với vùng núi Trường Sơn Bắc là

A. độ cao địa hình thấp hơn.

B. núi theo hướng vòng cung.

C. độ dốc địa hình nhỏ hơn.

D. có các dãy núi và cao nguyên.

Câu 22. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu nước ta?

A. Mang lại lượng mưa lớn và độ ẩm cao. B. Giảm tính chất lạnh khô trong mùa đông,

C. Tạo nên sự phân mùa cho khí hậu nước ta. D. Làm dịu bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ.

Câu 23. Quá trình ieralit là quá trình hình thành đất chủ yếu ở nước ta do nguyên nhân nào sau đây?

A. Địa hình chủ yếu là đồng bằng, mưa theo mùa.

B. Khí hậu nhiệt đới ẩm, đồi núi thấp là chủ yếu.

C. Địa hình chủ yếu là núi thấp, lượng mưa lớn.

D. Khí hậu phân mùa rõ rệt, nhiều đồi núi thấp.

Câu 24. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có biên độ nhiệt độ năm nhỏ chủ yếu do tác động của

A. các gió mùa hạ, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, gió mùa Đông Bắc.

B. địa hình cao nguyên, gió mùa đông, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.

C. vùng biển rộng, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, vị trí ở xa chí tuyến.

D. thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, gió, vị trí nằm ở gần vùng Xích đạo.

Câu 25. Biển Đông có ảnh hưởng sâu sắc đến thiên nhiên phần đất liền nước ta chủ yếu do

A. có diện tích rộng lớn, tương đối kín. B. hướng nghiêng địa hình thấp dần ra biển.

C. có nhiều vùng, vịnh ăn sâu vào đất liền. D. hình dạng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.

Câu 26. Lượng mưa ở nước ta phân hóa theo không gian do tác động chủ yếu của

A. hướng các dãy núi.

B. độ cao địa hình.

C. gió mùa và sông ngòi.

D. gió mùa và địa hình.

Câu 27. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa tác động tới vùng núi đá vôi biểu hiện rõ nhất qua việc

- A. làm cho bề mặt địa hình bị cắt xẻ mạnh. B. bào mòn bề mặt tạo nên đất xám bạc màu.
C. tạo nên các hang động ngầm, thung khô. D. tạo nên các hẻm vực, khe sâu, sườn dốc.

Câu 28, Cho bảng số liệu:

(Đơn vị: mm)

Tháng	I	II	m	rv	V	VI	VTI	VUI	LX	X	XI	XII
Huế	161,3	62,6	47,1	51,6	82,1	116,7	95,3	104,0	473,4	795,6	580,6	297,4
TP. Hồ Chí Minh	13,8	4,1	10,5	50,4	218,4	311,7	293,7	269,8	327,1	266,7	116,5	48,3

Lượng mưa trung bình tháng của Huế và TP. Hồ Chí Minh

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về chế độ mưa của Huế và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Lượng mưa của tháng mưa lớn nhất ở Huế gấp ba lần ở TP. Hồ Chí Minh.
B. Tháng có lượng mưa nhỏ nhất ở Huế là tháng II, ở TP. Hồ Chí Minh là tháng n.
C. Tháng có lượng mưa lớn nhất ở Huế là tháng X, ở TP. Hồ Chí Minh là tháng IX.
D. Lượng mưa của tháng mưa nhỏ nhất ở Huế gấp 11,5 lần ở TP. Hồ Chí Minh.

Câu 29. Mùa mưa ở vùng khí hậu Nam Trung Bộ chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. áp thấp nhiệt đới và bão. gió mùa Tây Nam. gió Tây Nam và gió mùa Đông Bắc.
B. gió hướng đông bắc. C. gió mùa Tây Nam. dải hội tụ, bão và áp thấp nhiệt đới.
C. gió mùa Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, gió Tây Nam từ Bắc Ấn Độ Dương.
D. đông lạnh. Tín phong bán cầu Bắc, địa hình dãy Trường Sơn. gió Tây Nam.

Câu 30. Sông ngòi nước ta phần lớn có đặc điểm ngắn và dốc chủ yếu do

- A. địa hình, sinh vật và thổ nhưỡng. B. khí hậu và sự phân hóa địa hình.
C. hình dáng lãnh thổ và khí hậu. D. hình dáng lãnh thổ và địa hình.

Câu 31. Nam Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc, bão, dải hội tụ, áp thấp nhiệt đới.
B. bão, dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới. gió mùa Tây Nam và gió phơn Tây Nam.
C. gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.
D. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, Tín phong bán cầu Bắc và dải hội tụ.

Câu 32. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng dòng chảy của sông Ba và sông Đồng Nai

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Sông Ba	129	77,1	47,3	44,9	85	170	155	250	366	682	935	332
Sông Đồng Nai	103	662	48,4	59,8	127	417	751	1345	1317	1279	594	239

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam)

Theo bảng số liệu, để thể hiện thể hiện lưu lượng dòng chảy của sông Ba và sông Đồng Nai. dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ kết hợp. B. Biểu đồ cột. C. Biểu đồ miền. D. Biểu đồ đường.

Câu 33. Hai vùng núi có dạng địa hình cacxtơ phổ biến nhất nước ta là

- A. Đông Bắc và Trường Sơn Bắc. B. Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.
C. Đông Bắc và Trường Sơn Nam. D. Tây Bắc và Trường Sơn Nam.

Câu 34. Nguyên nhân chủ yếu làm cho miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chịu tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc là

- A. độ cao và hướng các dãy núi. B. vị trí địa lí và hướng các dãy núi.
C. vị trí địa lí và độ cao địa hình. D. hướng các dãy núi và biển Đông.

Câu 35. Yếu tố quyết định tạo nên tính phân bậc của địa hình Việt Nam là

- A. tác động của vận động Tân kiến tạo. B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. sự xuất hiện khá sớm của con người. D. vị trí địa lí giáp Biển Đông.

Câu 36. Phần lãnh thổ phía Nam nước ta có khí hậu khác với phần lãnh thổ phía Bắc chủ yếu do tác

động của

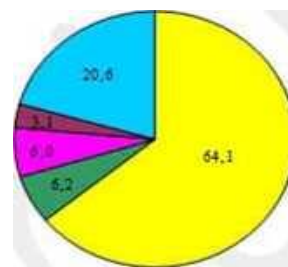
- A. địa hình có núi cao, vị trí ở khu vực gió mùa, Tín phong bán cầu Bắc.
- B. Tín phong bán cầu Bắc và gió mùa, địa hình, vị trí nằm gần Xích đạo.
- C. vị trí ở nội chí tuyến, địa hình đồi núi, gió mùa Đông Bắc và gió Tây Nam.
- D. gió mùa Tây Nam và áp thấp nhiệt đới. vị trí ở gần Xích đạo, địa hình.

Câu 37. Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc khác với Tây Bắc chủ yếu do

- A. gió mùa Đông Bắc và hướng của địa hình.
- B. độ cao và hướng của địa hình.
- C. ảnh hưởng của biển và gió mùa Đông Bắc.
- D. gió mùa Đông Bắc và vị độ địa lí.

Câu 38. Cho biểu đồ:

Đồng bằng sông Hồng Đồng bằng sông Cửu Long
Đất sản xuất nông nghiệp Đất lâm nghiệp Đất chuyên dùng
Đất ở <2 Đất khác



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu sử dụng đất của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Diện tích sử dụng đất của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Quy mô và cơ cấu sử dụng đất của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Quy mô và cơ cấu đất nông nghiệp của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 39. Giới hạn dưới của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Nam cao hơn miền Bắc chủ yếu do

- A. nằm xa chí tuyến Bắc, địa hình chủ yếu đồi núi thấp.
- B. địa hình thấp, có nhiều cao nguyên badan xếp tầng rộng.
- C. nằm gần Xích đạo, ít chịu tác động của gió mùa Đông Bắc.
- D. địa hình chủ yếu là đồi thấp, ảnh hưởng của Biển Đông.

Câu 40. Tính chất nhiệt đới ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có xu hướng tăng dần từ Bắc vào Nam chủ yếu do

- A. hoạt động của frông lạnh, gió mùa Đông Bắc. gió Tín phong bán cầu Bắc.
- B. gió mùa Tây Nam, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, hình dạng lãnh thổ.
- C. đặc điểm địa hình, lượng bức xạ Mặt Trời, hiện tượng biến đổi khí hậu.
- D. sự thay đổi góc nhập xạ, gió phơn, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

SỞ GD&ĐT QUẢNG BÌNH KỲ THI CHỌN HSG TỈNH NĂM HỌC 2023-2024 Kì thi ngày
05 tháng 12 năm 2023

HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn thi: ĐỊA LÝ
Bài thi trắc nghiệm
LỚP 12 THPT

Đáp án này gồm có 01 trang

YÊU CẦU CHUNG

Giám khảo chấm theo đáp án.

- Mỗi đáp án đúng đạt 0,1 điểm.
- Điểm toàn bài là tổng điểm của các đáp án đúng và không làm tròn.

Mà đề 001:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	D	A	A	D	c	A	A	B	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	D	B	B	c	D	A	B	B	c
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	B	c	B	D	D	D	c	A	B	D
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	c	D	A	B	A	B	A	c	c	D

Mà đề 002:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	c	B	c	B	A	D	B	A	A
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	B	B	B	D	D	D	A	A	D
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	c	B	B	c	c	D	D	A	c	c
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	B	A	A	D	B	A	c	D	D	B

SỞ GD VÀ ĐT QUẢNG BÌNH

KỲ THI CHỌN HSG TỈNH NĂM HỌC 2023-2024

Khóa ngày 05 tháng 12 năm 2023

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: ĐỊA LÝ

Bài thi tự luận

LỚP 12 THPT

SỐ BÁO DANH: Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Đề có 01 trang, 04 câu.

Câu 1 (1,0 điểm).

Chứng minh và giải thích sự phân bố khí hậu trên Trái Đất vừa có tính địa đới vừa có tính phi địa đới.

Câu 2 (2,0 điểm).

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

A. Trình bày tác động của hướng núi đến chế độ nhiệt ở nước ta.

B. Chứng minh chế độ nước sông ngòi của nước ta phản ánh rõ nét chế độ mưa.

Câu 3 (1,5 điểm).

A. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh sự khác nhau về khí hậu và sinh vật của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

B. Tại sao trong biến trình nhiệt của thành phố Hồ Chí Minh có hai cực đại nhưng nhiệt độ cao nhất chỉ vào tháng 4?

Câu 4 (1,5 điểm).

Cho bảng số liệu:

Biến động diện tích rừng ở nước ta, giai đoạn 2000 - 2022

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	2000	2010	2016	2022
Tổng diện tích có	10.9	13.4	14.4	14.8
Diện tích rừng tự	9.4	10.3	10.2	10.1
Diện tích rừng trồng	1.5	3.1	4.2	4.7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, NXB Thống kê 2022)

A. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự biến động diện tích rừng ở nước ta giai đoạn 2000 - 2022.

B. Từ biểu đồ đã vẽ, nhận xét sự biến động diện tích rừng ở nước ta giai đoạn trên.

----- HẾT -----

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục phát hành)

SỞ GD VÀ ĐT QUẢNG BÌNH KỲ THI CHỌN HSG TỈNH NĂM HỌC 2023-2024

Khóa ngày 05 tháng 12 năm 2023

HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn thi: ĐỊA LÝ

Bài thi tự luận

LỚP 12 THPT

Đáp án gồm có 02 trang

YÊU CẦU CHUNG

- Cán bộ chấm thi chấm đúng như thang điểm của hướng dẫn chấm.
- Hướng dẫn chấm chủ yếu được biên soạn theo hướng "mở", chỉ nêu những ý chính. Trong quá trình chấm, cán chủ ý đề nghị giải, lập luận của thí sinh; nếu thí sinh có cách trả lời khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa theo thang điểm.

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1,0 điểm)	Chứng minh và giải thích sự phân bố khí hậu trên Trái Đất vừa có tính địa đới vừa có tính phi địa đới.	1,0
	- Chứng minh:	
	- Tính địa đới: ở mỗi bán cầu có 7 đới khí hậu (dẫn chứng).	0,25
	+ Tính phi địa đới: trong mỗi đới khí hậu phân hóa thành các kiểu khí hậu khác nhau (dẫn chứng).	0,25
	- Giải thích: khí hậu ngoài phụ thuộc vào nguồn năng lượng bức xạ Mặt Trời (tính địa đới) còn phụ thuộc bề mặt đệm, sự phân bố lục địa - đại dương, địa hình núi cao (tính phi địa đới).	0,5
Câu 2	a. Tác động của hướng núi đến chế độ nhiệt nước ta.	1,0

(2,0 điểm)	- Hướng tây Bắc - đông nam: Dãy Hoàng Liên Sơn ngăn ảnh hưởng các đợt gió mùa Đông Bắc làm cho nhiệt độ vào mùa đông ở Tây Bắc cao hơn Đông Bắc tại những nơi có cùng độ cao: dãy Trường Sơn đón gió Tây Nam vào mùa hạ, gây hiện tượng phơn khô nóng ở đồng bằng ven biên Trung Bộ. - Hướng vòng cung của các dãy núi ở Đông Bắc tạo điều kiện cho gió mùa Đông Bắc xâm nhập trực tiếp tạo nên một mùa đông lạnh ở miền Bắc có 2 đến 3 tháng nhiệt độ dưới 18°C. - Hướng tây - đông của dãy Hoàng Sơn và Bạch Mã ngăn ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc tràn xuống phía nam, làm cho nhiệt độ về mùa đông có sự phân hóa rõ giữa miền khí hậu phía Bắc và phía nam.	0,5 0,25 0,25
	b. Chế độ nước sông ngòi của nước ta phản ánh rõ nét chế độ mưa.	1,0
	- Sông ngòi nước ta có nguồn cung cấp chính là nước mưa mà nước ta có tổng lượng mưa lớn nên tổng lượng nước sông lớn. - Nhịp điệu dòng chảy của sông ngòi theo sát nhịp điệu mưa, mùa lũ tương ứng với mùa mưa, mùa cạn tương ứng với mùa khô. - Thời gian mùa lũ của các hệ thống sông thể hiện phân hóa mưa theo	0,25 0,25 0,25

	không gian (dẫn chứng). - Chế độ dòng chảy sông ngòi thất thường phân ánh chế độ mưa thất thường.	0,25
Câu 3 (1,5 điểm)	a. So sánh sự khác nhau về khí hậu và sinh vật của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.	1,0
	- Khí hậu: + Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ: gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh tạo nên một mùa đông lạnh: nhịp điệu mùa khi hậu có sự thất thường. + Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ: gió mùa Đông Bắc giảm sút làm tính chất nhiệt đới tăng dần: chịu tác động mạnh của độ cao địa hình: bão và gió phơn hoạt động mạnh. - Sinh vật: + Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ: đai cận nhiệt đới hạ tiệp với nhiều loài thực vật phương Bắc: cảnh quan thiên nhiên thay đổi theo mùa. + Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ: là miền duy nhất đây đủ ba đai cao: xuất hiện thành phần thực vật phương Nam.	0,25 0,25 0,25 0,25
	b. Trong biến trình nhiệt của thành phố Hồ Chí Minh có hai cực đại nhưng nhiệt độ cao nhất chỉ vào tháng 4.	0,5
	- Cực đại nhiệt độ cao nhất chỉ vào tháng 4 do Mặt Trời lên thiên đỉnh lần 1 trong thời gian cỏ mùa khô sâu sắc (tác động của Tín phong). - Cực đại nhiệt vào tháng 9 (Mặt Trời lên thiên đỉnh lần 2) không cao nhất do chịu tác động mạnh gió mùa Tây Nam. dài hội tụ gây mưa lớn. nhiệt độ giảm.	0,25 0,25
	a. Biểu đồ thể hiện sự biến động diện tích rừng ở nước ta giai đoạn 2000 - 2022.	1,0
Câu 4 (1,5 điểm)	- Về biểu đồ cột chồng. Yêu cầu: Có tên biểu đồ, chủ giải, chính xác về khoảng cách năm và tỉ lệ (nêu thiếu mỗi nội dung thì trừ 0,25 điểm).	1,0
	b. Nhận xét về sự biến động diện tích rừng ở nước ta giai đoạn trên.	0,5
	- Tổng diện tích rừng, diện tích rừng tự nhiên tăng nhưng không ổn định (dẫn chứng). - Rừng trồng tăng nhanh (dẫn chứng).	0,25 0,25

----- HẾT -----